

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2018/HS-ST

Ngày: 28/6/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Minh

2/ Bà Phạm Thị Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Mai – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều tham gia phiên tòa: Ông Tô Văn Tông – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 401/2018/QĐXX-HS ngày 14 tháng 5 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. **Trần Anh T**, sinh năm 1953 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Đường P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Vũ S (chết) và bà Võ Ngọc H (chết); chồng Nguyễn Văn L (chết); có 04 người con (lớn nhất sinh năm 1974, nhỏ nhất sinh năm 1982); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại; *Có mặt*.

2. **Trần Thị Xuân M** (tên gọi khác: Mai), sinh năm 1952 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Đường P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Vũ S (chết) và bà Võ Ngọc H (chết); chồng Hạ Thanh M (chết); có 02 người con (lớn sinh năm 1979, nhỏ sinh năm 1983); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án hình sự phúc thẩm số 104/HSPT ngày 18/10/1993 của Tòa án nhân dân tỉnh Cần Thơ (cũ) xử phạt 24 tháng tù (thời gian phạt tù tính từ ngày 19/5/1993), chấp hành xong ngày 28/01/1995 – đã được xóa án tích. Bị cáo tại ngoại; *Có mặt*.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Hồ Trung H, sinh năm 1956

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường K, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: Đường B, Khu dân cư H, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

2/ Kiều Thị M, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Ấp 8, xã A, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Ánh T và Trần Thị Xuân M là chị em ruột cùng ngụ tại địa chỉ Đường P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. Căn nhà được chia hai khu riêng biệt, phần phía trước của M, phần phía sau là của T. Vào khoảng giữa năm 2016, M nhiều lần liên hệ gái bán dâm để bán cho người khác nhằm hưởng lợi bất chính. Nơi bán dâm thường là khách sạn, nhà nghỉ hoặc M nhờ T sử dụng căn phòng phía sau nhà của T để làm nơi mua bán dâm rồi chia tiền với T. giá bán dâm một lần là 300.000 đồng, T là người lấy tiền rồi đưa lại cho gái bán dâm 150.000 đồng, số còn lại T và M chia nhau tiêu xài.

Ngày 19/8/2017, M liên hệ với Kiều Thị M (tên thường gọi: Ng) là gái bán dâm ở Cà Mau để thỏa thuận việc bán dâm, M đồng ý. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, M nhờ em ruột tên Trần Đình Nh hành nghề chạy xe Honda chở khách đến Bến xe X, đường V, quận N đón M về nhà tại địa chỉ Đường P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. Khoảng 21 giờ, Hồ Trung H đến nhà M – T để hỏi mua dâm, T ra giá 300.000 đồng/lần, H đồng ý nên T đưa M và H vào phòng ngủ phía sau để thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị lực lượng Công an phường T tiến hành kiểm tra hành chính, phát hiện và bắt giữ người phạm tội quả tang, đồng thời yêu cầu Hồ Trung H và Kiều Thị M về trụ sở Công an phường để giải quyết.

Quá trình điều tra, M và T khai nhận: từ giữa năm 2016 đến khi bị bắt quả tang đã nhiều lần thực hiện hành vi môi giới mại dâm và chứa mại dâm, thu lợi bất chính khoảng 3.000.000 đồng. Hồ Trung H khai đến nhà T mua dâm khoảng 6 lần, mỗi lần 300.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 45/CT.VKS ngày 04/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều truy tố bị cáo Trần Ánh T về tội “Chứa mại dâm” theo điểm c khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; bị cáo Trần Thị Xuân M về tội “Môi giới mại dâm” theo điểm d khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, tuy nhiên có đề nghị áp dụng quy định tương ứng của Bộ luật hình sự năm 2015 (theo hướng có lợi cho các bị cáo), cụ thể:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 327, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để kết tội bị cáo Trần Ánh T và xử phạt từ 05 đến 06 năm tù;

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 328, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để kết tội bị cáo Trần Thị Xuân M và xử phạt từ 05 đến 06 năm tù;

- Đồng thời, đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, đồng thời cho rằng vì không có việc làm, tuổi cao, sức khỏe không tốt, thiếu suy nghĩ mà vi phạm pháp luật nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm đoàn tụ gia đình, trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Ninh Kiều, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Bị cáo Trần Ánh T dùng nơi ở hợp pháp của mình để người khác thực hiện việc mua bán dâm. Đồng thời, bị cáo Trần Thị Xuân M làm trung gian dẫn dắt để người khác thực hiện việc mua bán dâm. Riêng đối với Hồ Trung H từ giữa năm 2016 đến thời điểm bị bắt quả tang (ngày 19/8/2017) đã 06 lần mua dâm tại đây qua sự trung gian của bị cáo. Do đó, hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Chứa mại dâm” (bị cáo T), tội “Môi giới mại dâm” (bị cáo M), với tình tiết định khung “phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 254, điểm d khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 (gọi là Bộ luật hình sự năm 1999) – Bộ luật có hiệu lực thi hành tại thời điểm mà hành vi phạm tội được thực hiện.

[3] Tuy nhiên, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự năm 1999 thì:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm:

...

c) Phạm tội nhiều lần;”

Với quy định tương ứng tại điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi là Bộ luật hình sự năm 2015) thì:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...

d) *Phạm tội 02 lần trở lên;*”

* Quy định tại điểm d khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 1999 thì:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:

...

c) *Phạm tội nhiều lần;*”

Với quy định tương ứng tại điểm d khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015 thì:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

...

d) *Phạm tội 02 lần trở lên;*”

Như vậy trong trường hợp này, với mức hình phạt của hành vi phạm tội tại điều khoản tương ứng của hai Bộ luật được xem là quy định có lợi cho người phạm tội nên cho dù hành vi phạm tội này xảy ra trước 00 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 (thực hiện vào ngày 19/8/2017) vẫn cần thiết áp dụng các điều khoản của Bộ luật hình sự năm 2015 theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14.

Do đó, cáo trạng truy tố và sự điều chỉnh luật áp dụng (theo hướng có lợi) trong lời luận tội đối với các bị cáo là có căn cứ.

[4] Xét thấy: Tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo nghiêm trọng/ rất nghiêm trọng. Các bị cáo đã nhiều tuổi, có trình độ và kinh nghiệm sống nhất định để ý thức được việc làm của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Chỉ vì mong muốn hưởng lợi bất chính mà các bị cáo đã tạo ra các điều kiện liên quan để người khác thực hiện việc mua bán dâm. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, đạo đức xã hội, đời sống lành mạnh của cộng đồng và là một trong những nguyên nhân làm lây truyền nhiều căn bệnh xã hội nên cần xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Riêng, bị cáo M đã từng bị xét xử năm 1993 với tội về mại dâm, tức là đã được giáo dục rất nhiều về hành vi liên quan, nhưng bị cáo không nghiêm khắc với chính mình, qua thời gian đã được xóa án tích thì bị cáo trở lại phạm tội nên không được xem là có nhân thân tốt.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Việc các bị cáo tuổi đã cao, cho rằng sức khỏe không tốt không là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuy nhiên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc khi lượng hình. Về ý kiến của các bị cáo đang là người trực tiếp chăm sóc em (Trần Hoàng A) bị bệnh tâm thần đang chung sống cùng hộ

khẩu, tuy nhiên theo Sổ hộ khẩu thể hiện: ngoài bị cáo M còn có 04 nhân khẩu khác trong độ tuổi lao động nên không có cơ sở xem xét vấn đề này.

Với những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng một hình phạt tương xứng và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo có điều kiện học tập, tu dưỡng để trở thành người có ích cho xã hội sau này.

Vì vậy, mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo T là phù hợp, còn đối với bị cáo M cần xem xét toàn diện để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước mà chuyên tâm cải sửa sai lầm.

[5] Xét thấy các bị cáo vi phạm pháp luật nhằm hưởng lợi bất chính, tuy nhiên số tiền không lớn, các bị cáo tuổi đã cao nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền).

Tuy nhiên, trong tiến trình tố tụng, các bị cáo thừa nhận trong suốt thời gian hoạt động chứa/môi giới mại dâm đã thu lợi bất chính số tiền tương ứng 3.000.000 đồng nên cần thiết buộc các bị cáo nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[6] Đối với Trần Đình Nh, do Nh không biết việc M và T có hoạt động môi giới và chứa mại dâm nên không xem xét xử lý.

[7] Đối với Kiều Thị M và Hồ Trung H thực hiện hành vi mua bán dâm nên Công an quận Ninh Kiều đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

[8] *Về xử lý vật chứng:*

- 02 bao cao su hiệu “Vip plus”, trong đó có 01 bao đã xé vỏ ngoài – không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia C1 màu trắng đen, số imei 359763045306347 (gắn sim số 0902314544) là của bị cáo Trần Thị Xuân M dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo A33w màu trắng, số imei 861485031935597 (gắn sim số 0888697463) là tài sản cá nhân của Kiều Thị M nên trả lại cho người quản lý hợp pháp hủy theo quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] *Về án phí:*

Các bị cáo Trần Ánh T, Trần Thị Xuân M phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: + Bị cáo **Trần Ánh T** phạm tội “Chứa mại dâm”.

+ Bị cáo **Trần Thị Xuân M** (tên gọi khác: Mai) phạm tội “Môi giới mại dâm”.

- Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 327, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Trần Ánh T 05 (năm) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 328, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Xuân M 04 (bốn) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

- *Về biện pháp tư pháp:* Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Buộc mỗi bị cáo Trần Ánh T, Trần Thị Xuân M phải nộp 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) tiền thu lợi bất chính, để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- *Về xử lý vật chứng:* Áp Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) bao cao su hiệu “Vip plus”, trong đó có một bao đã xé vỏ ngoài.

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia C1 màu trắng đen, số imei 359763045306347 (gắn sim số 0902314544).

+ Trả lại cho Kiều Thị M: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A33w màu trắng, số imei 861485031935597 (gắn sim số 0888697463).

- *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án;

Mỗi bị cáo Trần Ánh T, Trần Thị Xuân M phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án lên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND Q.Ninh Kiều;
- VKSND Tp.Cần Thơ;
- CQCSĐT Công an Q.Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q.Ninh Kiều;
- Tòa án nhân dân Tp.Cần Thơ;
- Sở Tư pháp Tp.Cần Thơ;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

Nguyễn Thị Trang Thư